TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN LONG BIÊN** THÀNH PHỐ HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **02**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 07/01/2022
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Hoàng Thùy Dương Ngọc Anh

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông Hoàng Văn Tiến
2. Bà Nguyễn Thị Cúc

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân quận Long Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 07/01/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Long Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 397/2021/TLST-HNGĐ ngày 07/12/2021, về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/12/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị Thanh Th**, sinh năm 1989
Đăng ký HKTT: phường Ngọc Lâm, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.
Hiện ở: phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

- Bị đơn: **Anh Lê Anh Q**, sinh năm 1989
Địa chỉ: phường Ngọc Lâm, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

(Có mặt anh Lê Anh Q, vắng mặt chị Nguyễn Thị Thanh Th)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 26/11/2021 và bản tự khai ghi ngày 10/12/2021, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thanh Th trình bày: Chị và anh Lê Anh Q tự nguyện tìm hiểu và kết hôn vào ngày 01/8/2016 tại UBND phường Trúc Bạch, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh, tuy nhiên do hai vợ chồng đã nỗ lực rất nhiều vẫn không thể có con chung nên cuộc sống nặng nề, dần dần vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn,

chị Th đã trở về nhà bố mẹ đẻ ở Đà Nẵng sinh sống, hai người đã chấm dứt quan hệ vợ chồng từ tháng 5/2020 đến nay.

Nhận thấy cuộc sống chung vợ chồng không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên, nên chị Th có nguyện vọng đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Lê Anh Q.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Chị Th xác định không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là anh Lê Anh Q trình bày: anh thống nhất với lời trình bày của chị Th về thời gian, điều kiện kết hôn cũng như nguyên nhân dẫn đến rạn nứt trong quan hệ hôn nhân giữa anh và chị Nguyễn Thị Thanh Th. Do vợ chồng hiếm muộn lâu ngày, chị Th lại muốn về Đà Nẵng làm ăn, sinh sống nhưng anh Q thì muốn ở Hà Nội, nên vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, chị Th đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi từ tháng 5/2020 đến nay.

Nay chị Th xin ly hôn, anh cũng đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Anh Q xác định vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên phát biểu:

+ Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng thủ tục tố tụng, đảm bảo quy định của pháp luật trong tất cả các quá trình từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa. Về phía các đương sự đều chấp hành nghĩa vụ tố tụng trong quá trình giải quyết.

+ Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử căn cứ Điều 19, 51, 56 Khoản 2 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 28 Khản 1 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326 của UBTVQH, quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh Th, cho chị Th được ly hôn với anh Lê Anh Q; về con chung không có; tài sản chung không xem xét; chị Th có nghĩa vụ nộp án phí DSST không giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ly hôn, bị đơn có địa chỉ tại địa bàn quận Long Biên, do vậy Tòa án nhân dân quận Long Biên thụ lý vụ án theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điều 36, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự là đúng thẩm quyền.

[1.2] Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thanh Th đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập phiên tòa, chị Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh Th, Hội đồng xét xử thấy: Anh Lê Anh Q và chị Nguyễn Thị Thanh Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 01/8/2016 tại UBND phường Trúc Bạch, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội (Giấy chứng nhận kết hôn số 46/2016), đây là hôn nhân hợp pháp. Việc vợ chồng lấy nhau đã nhiều năm không có con, tài liệu, chứng cứ do anh Q giao nộp thể hiện kết quả khám bệnh tại Bệnh viện Đa khoa Tâm Anh và kết quả xét nghiệm tại Viện huyết học truyền máu Trung Ương thể hiện vợ chồng đã từng phải đình chỉ thai kỳ do tình trạng phù thai do theo dõi mang gen Alpha Thalassemia, sau đó đã làm sàng lọc phôi, kết quả không tạo được phôi đông lạnh.

Xét thấy, việc vợ chồng kết hôn và mong muốn có con chung, cùng nhau xây dựng gia đình hòa thuận, hạnh phúc là mong muốn chính đáng. Quá trình chung sống do vợ chồng không thể có con chung và không thống nhất được việc lựa chọn nơi cư trú của vợ chồng, dẫn đến phát sinh mâu thuẫn. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Th và anh Q là có thật, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Th yêu cầu ly hôn, anh Q cũng nhất trí đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn, tuy nhiên do chị Th ở xa và các đương sự đề nghị Tòa án không hòa giải, nên thuộc trường hợp vụ án không tiến hành hòa giải được.

Vì vậy, có đủ căn cứ để chấp nhận đơn khởi kiện của chị Th, cho chị Th được ly hôn với anh Q là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- *Về con chung*: căn cứ hồ sơ vụ án thì chị Nguyễn Thị Thanh Th và anh Lê Anh Q không có con chung.

- *Về tài sản chung:* Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết, vì vậy Toà án không xem xét.

[4] Về án phí, quyền kháng cáo:

- Chị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

- Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 và các Điều 266, 273, 275 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2015/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh Th:

Cho chị Nguyễn Thị Thanh Th được ly hôn với anh Lê Anh Q;

2. Về con chung: không có.

3. Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết;

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh Th phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0064852 ngày 06/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Long Biên. Chị Th đã nộp đủ án phí.

5. Anh Lê Thanh Q có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị Thanh Th có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Hoàng Thùy Dương Ngọc Anh

Nơi nhận :
- TAND Tp. Hà Nội;
- VKS Q. Long Biên,
- VKS Tp. Hà Nội;
- Chi cục THADS Q. Long Biên;
- Các đương sự;
- UBND phường Trúc Bạch, quận Ba Đình, Hà Nội, để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu HS, VP.